

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 12 - 2017

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Ngọc D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trương Tú V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trương Tú V: Luật sư HCD – Văn phòng luật sư HCD thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa chị D, anh V và luật sư HCD có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Ngọc D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phan Ngọc D với anh Trương Tú V tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng ba năm trở lại đây cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh V không phụ giúp chị trong công việc gia đình, không tin tưởng chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân ngày 21/7/2017 cho đến nay. Nay chị D xét thấy giữa chị với anh V cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Ngọc V, sinh ngày 01/01/2011, hiện tại cháu V do chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản: Chị D xác định trong ngày cưới vợ chồng được cha mẹ chồng cho 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Trong thời gian chung sống, đối với 10 chỉ vàng 24k chị đưa cho mẹ chồng quản lý sau đó được mẹ chồng trả lại cho chị bằng 35.000.000 đồng, đối với 10 chỉ vàng 18k vào năm 2015 chị đã bán bộ vòng 7 chỉ vàng 18k đổi lại thành 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 18k và sau đó chị đã bán chỉ sài trong gia đình, chiếc lắc 03 chỉ vàng 18k chị đổi lại thành 03 chỉ vàng 18k cho con đeo, hiện do chị đang quản lý. Tại phiên tòa, chị D cho rằng anh V xác định tài sản của vợ chồng còn lại 35.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 18k chị thống nhất và đồng ý phân chia mỗi người ½.

- Về nợ: Chị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Tú V trình bày:

- Về hôn nhân: Qua phần trình bày của chị D về ngày tháng năm chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng; đối với nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là không đúng. Anh V xác định trong cuộc sống gia đình anh đều lo lắng phụ giúp cha mẹ và vợ con. Nay anh nhận thấy giữa anh và chị D không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh V thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trương Ngọc V sinh ngày 01/01/2011, hiện tại cháu V do chị D đang nuôi dưỡng là đúng. Khi ly hôn anh không đồng ý giao cháu V cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng mà khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu V, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

- Về tài sản: Anh V xác định trong ngày cưới vợ chồng được cha mẹ anh cho 10 chỉ vàng 24k (gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k) và 10 chỉ vàng 18k (trong đó 01 chiếc vòng 03 chỉ, 01 bộ vòng 07 chỉ vàng), việc chị D cho rằng 10 chỉ vàng 24k gửi cho mẹ anh quản lý và chị D đã nhận lại giá trị của 10 chỉ vàng 24k bằng số tiền là 35.000.000 đồng và chị D đã bán bộ vòng 07 chỉ vàng 18k đổi lại chiếc lắc 05 chỉ vàng 18k anh chấp nhận. Như vậy tài sản của vợ chồng hiện tại có là 35.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 18k do chị D đang quản lý. Khi ly hôn anh V yêu cầu được phân chia theo quy định pháp luật mỗi người $\frac{1}{2}$.

- Về nợ: Anh V xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ngày 10/3/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo chị D xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chị với anh V có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau và đã ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Đối với anh V xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn chị D trình bày là không đúng, nhưng nay anh nhận thấy giữa anh và chị D không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D và anh V ly hôn với nhau là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị D và anh V có 01 người con chung tên Trương Ngọc V sinh ngày 01/01/2011, hiện tại cháu V do chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn đối với chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng; đối với anh V cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Xét về điều kiện chăm sóc con của chị D và anh V, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị ly thân cho đến nay cháu V do chị D nuôi dưỡng, tại phiên tòa sơ thẩm anh V cho rằng hiện nay anh đang đi làm thuê tại Cà Mau thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng, cháu sẽ do ông bà nội chăm sóc và anh sẽ về thăm cháu mỗi tháng 4 đến 5 lần. Xét điều kiện thực tại thì anh V không đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi cháu V. Và tại phiên tòa anh V cũng đã thừa nhận từ khi anh chị ly thân đến nay cháu V được chị D chăm sóc chu đáo cháu được đi học đều đặn và phát triển tốt về thể chất, mặt khác cháu V là bé gái cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhiều hơn. Từ đó cho thấy chị D có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc con tốt hơn anh V. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu V cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản: Tại phiên tòa chị D và anh V xác định tài sản chung của anh chị còn lại 35.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 18k do chị D quản lý và thống nhất phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$. Xét thấy việc chị D và anh V thống nhất xác định tài sản chung còn lại và thỏa thuận phân chia là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$.

[4] Về nợ chung: Chị Phan Ngọc D và anh Trương Tú V xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phan Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật; án phí dân sự sơ thẩm chị D và anh V mỗi người phải chịu 1.343.000 đồng (17.500.000 đồng + 04 chỉ vàng 18k x 2.340.000 đồng/01 chỉ) x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 59; khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Ngọc D cho chị Phan Ngọc D được ly hôn với anh Trương Tú V.

- Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc V sinh ngày 01/01/2011 cho chị Phan Ngọc D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị D và anh V mỗi người được hưởng 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và 04 (bốn) chỉ vàng 18k (đối với số tài sản anh V được hưởng chị D đang quản lý nên chị D phải có nghĩa vụ giao lại cho anh V).

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phan Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị D đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số

0009154 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

+ Án phí dân sự sơ thẩm chị D và anh V mỗi người phải chịu 1.343.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng); đối với anh V đã nộp tạm ứng 687.000 đồng tại biên lai số 0009292 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ và anh V còn phải nộp tiếp 656.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Đ, T.Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng